

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/DS-ST

Ngày: 27 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bình

- Bà Nguyễn Thị Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2022/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Lầu X Đường N, Phường T, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 199x; địa chỉ: Đường N, Phường T, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số x/2021/UQ-TTT ngày x/x/202x).

Bị đơn: Ông Bùi Xuân I, sinh năm 197x; địa chỉ: Đường I, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thụy K; địa chỉ: Đường I, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày x/x/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Ngày 18/11/2016, ông Bùi Xuân I (sau đây gọi là bị đơn) có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (gọi chung là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là nguyên đơn). Căn cứ thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 41.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 424.264.697 đồng, đã thanh toán được 424.440.370 đồng, bao gồm cả gốc và lãi theo thứ tự thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đủ

nguyên đơn đã nhiều lần làm việc, gửi thông báo và công văn đề nghị thanh toán nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 01/02/2021 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần các khoản tạm tính đến ngày 27/6/2022 gồm (có bản sao kê chi tiết cụ thể):

- Nợ gốc 42.488.219 đồng, lãi quá hạn: 28.280.320 đồng (3,9%/tháng), tổng cộng số tiền gốc và lãi là 70.768.539 đồng.

- Bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 28/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa không ghi nhận được ý kiến.

Do các bên đương sự không có mặt đầy đủ và phía nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tính đến ngày 27/6/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 70.768.539 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 22 của Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ”. Từ những lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với nguyên đơn, do đó đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo kết quả xác minh của Công an Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa phương. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc đưa người vào tham gia tố tụng: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thụy K là vợ của bị đơn nên cần thiết đưa bà K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

[1.3] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa: Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 42.488.219 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ hợp đồng hai bên đã ký bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/11/2016, giữa bị đơn và nguyên đơn đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ. Theo Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán”. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, tuy những lời trình bày, cung cấp các tài liệu chứng cứ chỉ từ một phía bên nguyên đơn nhưng Tòa án cũng đã thực hiện việc tổng đạt thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với các khoản tiền vay, khoản đã trả và số tiền còn thiếu. Đối chiếu với lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 28.280.320 đồng, xét: Căn cứ vào lời khai, bảng chi tiết tính lãi của nguyên đơn thì mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như số tiền lãi phát sinh là đúng theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi tính đến ngày 27/6/2022 và tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh khác theo quy định của hợp đồng hai bên đã ký kể từ ngày 28/6/2022 cho đến khi thi hành án xong.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Do đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn tự chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[2.4] Phương thức và thời hạn thanh toán: Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và

được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc ông Bùi Xuân I có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2022 là 70.768.539 đồng (Bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm ba mươi chín đồng), bao gồm nợ gốc: 42.488.219 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn hai trăm mười chín đồng), nợ lãi: 28.280.320 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi ngàn ba trăm hai mươi đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông Bùi Xuân I có trách nhiệm tiếp tục trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản lãi và phí phát sinh kể từ ngày 28/6/2022 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/11/2016 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thanh xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Xuân I phải chịu án phí là 3.538.427 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.192.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/00304x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản sao án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo